TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 106/2019/QĐST-HNGĐ	*Kon Tum, ngày 02 tháng 5 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 174/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1997.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn Plei d, xã Hòa B, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Quang T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Quang T thỏa thuận – thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Trần Trúc L, sinh ngày 25/6/2016.

Chị Trần Thị Kim N và anh Nguyễn Quang T thỏa thuận: Giao con chung là Nguyễn Trần Trúc L cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T không cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 6, 18 và 19, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Kim N nhận chịu thay án phí cho anh Nguyễn Quang T. Chị N phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001159 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Hoàn trả cho chị N 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Kon Tum;
- Chi cục THA DS TP Kon Tum;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn (UBND xã Hòa B, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN VĂN PHO